

Lee Jang-dol

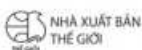
Vương Nhật Vy dịch

Reader's Bank

LEVEL 9

CHALLENGE

Bộ sưu tập **CỰC ĐỈNH**
những bài đọc **HẤP DẪN** và
BỔ ÍCH giúp nâng
cao kỹ năng đọc hiểu!



visang

Foreword

“Ơ, đoạn này hay chưa này, mẹ nghe nhé!” “Haha, truyện này buồn cười thế!” Cô con gái nhỏ của tôi cứ luôn miệng ríu rít khi lật giờ từng trang trong một cuốn **Reader’s Bank**. Tới bữa cơm chiều, con bé lại kể với bố về bạn Jimmy chơi kèn dờ đến nỗi mẹ phải cho bạn ấy một xu để dừng thổi nữa, về những loài vật biết soi gương, về nguồn gốc của bánh pizza... Những thông tin thú vị đó lại mở ra những chuyện trò khác trong gia đình. Bài đọc tiếng Anh lúc này không chỉ là cách giúp con học ngoại ngữ một cách tự nhiên nhất mà còn mang tới những “cái có” hết sức dễ thương để mẹ con tôi tâm sự, để tôi dễ dàng bước vào thế giới của con. Đó là những gì tôi đã cảm nhận được khi cùng con trải nghiệm bộ sách **Reader’s Bank**.

Hẳn là chúng ta đều từng nghe về những lợi ích to lớn của việc đọc và nghe sách truyện tiếng Anh khi học ngoại ngữ. Các câu chuyện thú vị và kiến thức bổ ích không chỉ mang tới niềm vui và sự hào hứng trong suốt hành trình học tập, mà còn giúp các con phát triển tư duy, trí tưởng tượng, tư duy phản biện, biết dùng từ và cấu trúc câu thật tự nhiên theo ngữ cảnh. Các hoạt động đóng vai, đọc diễn cảm, hay thảo luận về nội dung bài đọc thường đem lại sự tự tin và phát triển khả năng nói trôi chảy. Mặc dù nhận thức được những ưu điểm đó, nhưng không phải lúc nào chúng ta cũng dễ dàng tìm được những nguồn tài liệu đọc hiểu vừa phù hợp với năng lực tiếng Anh, vừa đi kèm các hoạt động phát triển kỹ năng ngôn ngữ và tư duy.

Reader’s Bank đã kết nối thành công việc đọc, nghe tiếng Anh với các hoạt động khai thác bài đọc, từ đó giúp các con phát triển năng lực ngôn ngữ một cách hiệu quả và đầy hứng khởi. Với các bài đọc ngắn có độ khó tương ứng với từng trình độ, chủ đề phong phú và hấp dẫn, những câu hỏi và bài tập linh hoạt, đa dạng, bộ sách **Reader’s Bank** hứa hẹn mang tới cho các em những giờ đọc sách thật vui và bổ ích.

Tiến sĩ Trần Hương Quỳnh

*Giảng viên, trưởng bộ môn Ngôn ngữ học Anh,
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*

Plant the Seeds of Love for English!

Reader's Bank ra đời với mục tiêu cơ bản là giúp học sinh nâng cao kỹ năng đọc hiểu thông qua những đoạn văn thú vị và bổ ích. Tuy nhiên, đó không phải là mục tiêu duy nhất mà những người biên soạn bộ sách này hướng tới. Chúng tôi kỳ vọng nó có thể mang lại giá trị lớn lao hơn, đó là gieo vào lòng độc giả nhỏ tuổi hạt giống tình yêu dành cho môn tiếng Anh.

Vì lý do đó, Phòng Nghiên cứu Ngôn ngữ Anh của chúng tôi đã bỏ rất nhiều công sức để tìm kiếm những đoạn văn thú vị, súc tích từ các nguồn tài liệu đa dạng nhằm khơi dậy ở trẻ sự tò mò, háo hức đối với môn học này. Bên cạnh đó, bộ giáo trình cũng được thiết kế theo một trình tự thích hợp để học sinh có thể dần cải thiện năng lực học tập trên lớp, giúp các em nuôi dưỡng sự tự tin, lòng tự hào vào chính bản thân mình.

Chúng tôi thành tâm mong muốn những nỗ lực này thực sự có thể gieo vào lòng độc giả hạt giống tình yêu dành cho tiếng Anh. Theo thời gian, chúng sẽ dần đơm hoa kết trái. Biết đâu sau này, một độc giả nào đó sẽ nói với chúng tôi rằng: “Tôi đã yêu tiếng Anh nhờ bộ sách **Reader's Bank**”. Đó hẳn sẽ là niềm vui vô hạn đối với những người đã tham gia phát triển bộ sách.

Từ khi **Reader's Bank** ra đời và được dạy thí điểm tại lớp học, sau đó trải qua nhiều lần sửa đổi, cập nhật, bộ sách đã nhận được sự đóng góp nhiệt tình của rất nhiều gương mặt ưu tú. Tôi muốn gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Ban Phát triển Nội dung thuộc Phòng Nghiên cứu Ngôn ngữ Anh – những người đã rất nỗ lực để mang tới những bài đọc có nội dung phong phú và giàu cảm xúc; Quinn – tác giả người bản xứ đã dành hàng giờ cùng tôi chụm đầu chỉnh sửa bản in cho thật hoàn hảo; Richard Pak – giáo sư trường Đại học nữ sinh Sukmyung đã theo sát quá trình hiệu đính và biên tập; Chae Yeong In – tổng biên tập, một Hàn kiều đang sinh sống tại Mỹ. Tôi cũng muốn bày tỏ lòng biết ơn chân thành nhất đến giáo sư Kim In Soo – người thầy luôn nhiệt tình giúp đỡ tôi trong suốt chặng đường xây dựng và phát triển bộ sách này từ những ngày đầu tiên.

Tác giả

Lee Jang Dol

About Reader's Bank

Suốt bao năm qua, trên 14 triệu học sinh Hàn Quốc đã lựa chọn **Reader's Bank** để mài giũa năng lực đọc hiểu tiếng Anh của mình. Được biết đến với cái tên đầy tự hào - "kinh thánh về đọc hiểu tiếng Anh" - **Reader's Bank** luôn xứng đáng với sự tin yêu của độc giả khi không ngừng cải thiện và phát triển các nội dung chất lượng cao nhằm mang tới cho người đọc những trải nghiệm học tập vui vẻ và hiệu quả nhất.

1 Hệ thống đọc hiểu 9 cấp độ phù hợp với năng lực

Reader's Bank được biên soạn theo các cấp độ từ thấp đến cao để phục vụ đối tượng là các học sinh từ bậc tiểu học đến trung học phổ thông. Hãy chọn cuốn sách phù hợp với trình độ trong bộ sách có level từ 1 đến 9 với độ khó được xác định theo thang điểm Lexile, sau đó từng bước nâng cao dần qua các cấp độ. Năng lực đọc hiểu của các độc giả "nhí" sẽ tiến bộ vượt bậc đến mức chính các em cũng phải thấy ngạc nhiên.

2 Những bài đọc chất lượng cao với nội dung thú vị

Reader's Bank được xây dựng và phát triển qua một thời gian dài và luôn tuyển chọn những bài đọc có nội dung thú vị, hữu ích. Những văn bản đọc hiểu này đều kèm các câu hỏi đa dạng nhằm hỗ trợ đắc lực cho học sinh trong việc tự học, đồng thời cung cấp những kiến thức liên quan đến chương trình học trên lớp. Các bài đọc được phân bố một cách cân bằng và hợp lý nhằm giúp người học đạt được mục tiêu ngắn hạn (nâng cao thành tích học tập trên lớp) và dài hạn (thi chuyển cấp, có năng lực đọc hiểu tiếng Anh tốt).

3 Bài tập đa dạng giúp cải thiện kỹ năng viết, nâng cao vốn từ và rèn luyện ngữ pháp

Người học có thể tự trau dồi vốn từ vựng và ngữ pháp xuất hiện trong bài đọc thông qua phần Review Test. Ngoài ra, chỉ cần quét mã QR bên cạnh bài đọc, người học có thể dễ dàng luyện kỹ năng nghe thông qua file MP3 với giọng đọc của người bản xứ.

How to Study

Những bài đọc tiếng Anh thú vị

- Các bài đọc tiếng Anh bổ ích giúp làm giàu vốn tri thức
- Bài đọc có chủ đề phong phú được cả giáo viên và học sinh quan tâm
- Được đánh giá bởi đội ngũ chuyên gia người bản xứ và giáo viên giàu kinh nghiệm
- Mỗi bài đọc đều có biểu tượng ngôi sao để xác định độ khó cùng thông tin về số từ

Độ khó: ★★★ khó | ★★☆☆ vừa | ★☆☆ dễ

Số từ: lượng từ xuất hiện trong bài đọc

- Mã QR cho file MP3

Quét mã QR ở đầu bài đọc để nghe file MP3 với giọng đọc của người bản xứ.

• Did you know?

Tối đa hóa hiệu quả học tập với kiến thức nền tảng thú vị cùng các khái niệm và thuật ngữ liên quan.

20

Psychology

★★★
180 words



Which airport has fewer accidents: an "easy" one that is flat, with good visibility and weather conditions, or a "dangerous" one with hills, strong wind, and difficult entry points?

(A) The same principle about safety applies to street traffic. The Dutch government once made an unusual traffic experiment. They made the streets seem more dangerous. They got rid of all traffic safety features: no more traffic lights, stop signs, pedestrian crossings, or special bike paths.

(B) Ironically, the answer is the dangerous one. Why? Because when pilots have to fly into dangerous airports, they are more alert and focused. Pilots report that the clear, smooth conditions make them feel like they don't have to take extra caution.

(C) Instead, they added roundabouts and made the streets narrower. Their idea seemed reasonable, but the traffic experiment turned out to be very successful. Drivers became extra careful due to the lack of traffic safety measures. Thanks to this, the number of accidents decreased significantly compared to before. Since the experiment was such a big success, other cities like London and Berlin started to apply the same method to their streets.

Did You Know?

Hiệu ứng Peltzman

Thảo nghiệm của nhà kinh tế học người Mỹ Sam Peltzman, khi người lái xe có trong tay những chiếc ô tô bảo vệ như đai an toàn hay túi khí, họ sẽ có xu hướng lái xe liều hơn vì tin tưởng vào các thiết bị đó. Đây là hành vi có tính kinh tế người thực hiện (tài xế) cố gắng giảm phần "chưa yên" (tài xế hạn chế tài trợ) đồng thời tận dụng các "tính kỹ" (tài xế lái xe vượt tốc độ). Giải bóng bầu dục Mỹ cũng cho thấy một ví dụ về hiệu ứng này. Từ sau khi môi bảo hiểm xuất hiện, những chấn thương liên quan đến chấn động, căng, sưng mắt của cầu thủ đã giảm xuống, tuy nhiên số vụ tai nạn nghiêm trọng như gãy tay khớp cổ, mất tai chỉ tăng lên. Thực tế này bắt nguồn từ việc huấn luyện viên dạy các học trò phải cố gắng hết sức để tránh chấn động bằng cách sử dụng mũ bảo hiểm như một công cụ bảo vệ. Các ví dụ trên cho thấy đôi khi các quy định hay các biện pháp đảm bảo an toàn lại có thể đưa đến kết quả ngược lại so với ý định ban đầu.

62 | READER'S BANK

Pattern Drill

8

Read the passage and identify the pattern of the underlined words.

1. The first pattern is the subject-verb pattern. Identify the subject and the verb in the sentence.

2. The second pattern is the object-verb pattern. Identify the object and the verb in the sentence.

3. The third pattern is the adjective-noun pattern. Identify the adjective and the noun in the sentence.

4. The fourth pattern is the adverb-adjective pattern. Identify the adverb and the adjective in the sentence.

5. The fifth pattern is the preposition-noun pattern. Identify the preposition and the noun in the sentence.

6. The sixth pattern is the conjunction-clause pattern. Identify the conjunction and the clause in the sentence.

7. The seventh pattern is the relative clause pattern. Identify the relative clause in the sentence.

8. The eighth pattern is the conditional clause pattern. Identify the conditional clause in the sentence.

9. The ninth pattern is the result clause pattern. Identify the result clause in the sentence.

10. The tenth pattern is the purpose clause pattern. Identify the purpose clause in the sentence.

Solution Tip

Đọc kỹ và chọn

- Xác định nội dung cốt lõi
- Đọc đoạn đầu và đoạn cuối
- Xác định chủ đề của bài đọc
- Tìm hiểu quan điểm của tác giả
- Chọn ý chính phù hợp với nội dung
- Rút ra kết luận dựa trên các xác định ý chính mà tác giả nêu ra
- Chọn đáp án đúng nhất

| Bài đọc với dạng câu hỏi theo bài thi SAT cùng các mẹo giải đáp án

Review Test

Review Test

1. Which airport has fewer accidents: an "easy" one that is flat, with good visibility and weather conditions, or a "dangerous" one with hills, strong wind, and difficult entry points?

2. The same principle about safety applies to street traffic. The Dutch government once made an unusual traffic experiment. They made the streets seem more dangerous. They got rid of all traffic safety features: no more traffic lights, stop signs, pedestrian crossings, or special bike paths.

3. Ironically, the answer is the dangerous one. Why? Because when pilots have to fly into dangerous airports, they are more alert and focused. Pilots report that the clear, smooth conditions make them feel like they don't have to take extra caution.

4. Instead, they added roundabouts and made the streets narrower. Their idea seemed reasonable, but the traffic experiment turned out to be very successful. Drivers became extra careful due to the lack of traffic safety measures. Thanks to this, the number of accidents decreased significantly compared to before. Since the experiment was such a big success, other cities like London and Berlin started to apply the same method to their streets.

5. Which airport has fewer accidents: an "easy" one that is flat, with good visibility and weather conditions, or a "dangerous" one with hills, strong wind, and difficult entry points?

6. The same principle about safety applies to street traffic. The Dutch government once made an unusual traffic experiment. They made the streets seem more dangerous. They got rid of all traffic safety features: no more traffic lights, stop signs, pedestrian crossings, or special bike paths.

7. Ironically, the answer is the dangerous one. Why? Because when pilots have to fly into dangerous airports, they are more alert and focused. Pilots report that the clear, smooth conditions make them feel like they don't have to take extra caution.

8. Instead, they added roundabouts and made the streets narrower. Their idea seemed reasonable, but the traffic experiment turned out to be very successful. Drivers became extra careful due to the lack of traffic safety measures. Thanks to this, the number of accidents decreased significantly compared to before. Since the experiment was such a big success, other cities like London and Berlin started to apply the same method to their streets.

| Phần kiểm tra từ vựng, ngữ pháp cuối mỗi UNIT

1 What is the correct order?

- ① (A) – (C) – (B)
 ② (B) – (A) – (C)
 ③ (B) – (C) – (A)
 ④ (C) – (A) – (B)
 ⑤ (C) – (B) – (A)

2 Which set of words best fits the blanks (A) and (B) in the following summary?

The feeling of (A) _____ can lead to an increase in (B) _____ behavior.

- (A) (B) (A) (B)
 ① safety — risky ② crisis — risky
 ③ safety — careful ④ crisis — careless
 ⑤ safety — thoughtful

3 Which underlined word in the passage, (a) - (e), DOES NOT fit the context?

- ① (a) ② (b) ③ (c) ④ (d) ⑤ (e)

CRQ

4 Explain in English or in Vietnamese what the phrase the same method in the passage means.

Words

bat (s) bóng phản
visibility (s) tầm nhìn
weather condition (s) điều kiện thời tiết
entry point (s) điểm vào (đường băng)
principle (s) nguyên lý; nguyên tắc
safety (s) an toàn
apply for (s) nộp đơn, đăng với
street traffic (s) giao thông đường phố
unusual (a) lạ, bất thường
get rid of (s) loại bỏ
safety feature (s) tính năng an toàn
CT feature (s) đặc tính, tính năng
traffic light (s) đèn giao thông
stop sign (s) biển báo dừng
pedestrian crossing (s) vạch cho người đi bộ sang đường
CT pedestrian (s) người đi bộ
take path (s) đường dành riêng cho xe đạp
immediately (adv) ngay lập tức, tức thời
alert (a) cảnh giác, tỉnh táo
clear (a) rõ ràng, quang đãng
smooth (a) bằng phẳng, suôn sẻ
extra (a) thêm, phụ, ngoại
caution (s) sự thận trọng
misbehaviour (s) hành vi bất chấp, vi phạm
reason (s) hợp lý
reasonable (a) hợp lý, thực đáng
turn out (s) hóa ra là
due to (s) vì
back (s) sự lùi
measure (s) biện pháp
decrease (s) giảm, làm suy giảm
significantly (adv) đáng kể, ở mức độ quan trọng
compared to (s) so sánh với
crisis (s) sự khủng hoảng
risky (a) liều lĩnh, mạo hiểm
careful (a) thận trọng
careless (a) bất cẩn
thoughtful (a) chín chắn, thấu đáo

UNIT 03 63

Câu hỏi đa dạng nhằm nêu bật trọng tâm

• Những câu hỏi đa dạng nhằm hỗ trợ học sinh hiểu sâu nội dung văn bản

• Các câu hỏi giúp học sinh chuẩn bị cho kỳ thi SAT

Thông qua các câu hỏi theo xu hướng ra đề mới nhất của bài thi SAT, người học có thể chuẩn bị tốt hơn cho bài thi này.

CRQ

• Câu hỏi tự luận sát với các dạng đề thi học thuật

Giúp học sinh làm quen với những dạng bài kèm sơ đồ và những câu hỏi yêu cầu nêu quan điểm.

• Câu hỏi về từ vựng và ngữ pháp

Những câu hỏi liên quan đến từ vựng và ngữ pháp trọng tâm xuất hiện trong bài đọc

Words

Liệt kê các từ/cụm từ quan trọng trong bài đọc

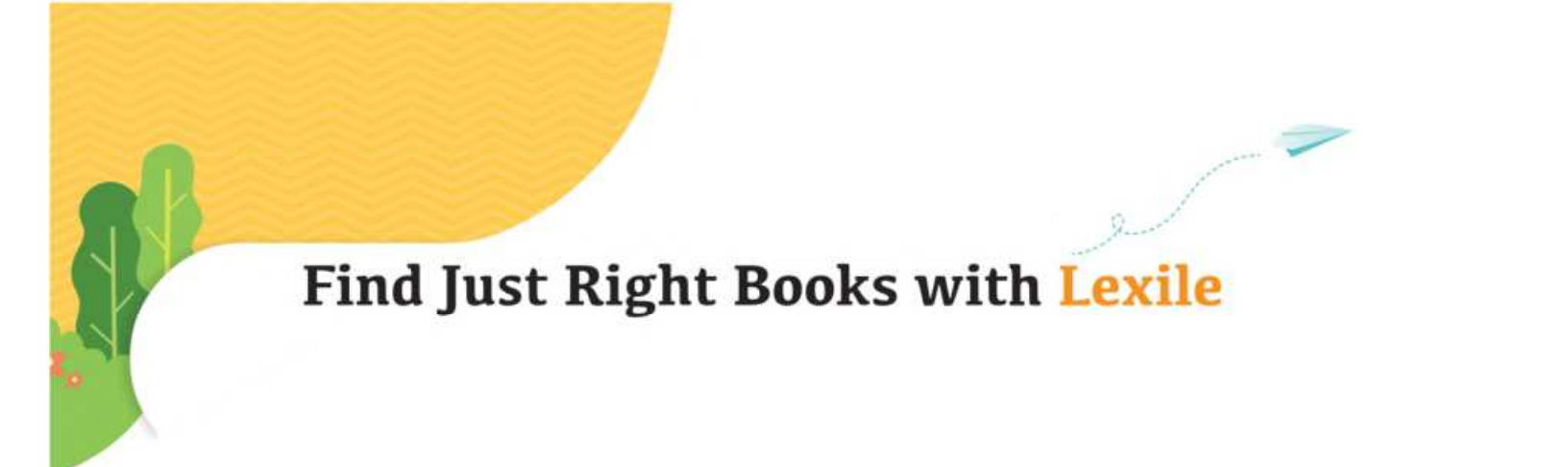
Đáp án và giải thích



Giải thích chi tiết, phân tích câu, phân tích cấu trúc

Lưu ý: Ký hiệu viết tắt các từ loại trong sách

Từ loại	Ký hiệu
danh từ (noun)	n
động từ (verb)	v
trạng từ (adverb)	adv
tính từ (adjective)	adj
đại từ (pronoun)	pron
giới từ (preposition)	prep
liên từ (conjunction)	conj
động từ khuyết thiếu (modal verb)	mv
từ hạn định (determiner)	det



Find Just Right Books with Lexile

Lexile là gì?

Lexile® Framework for Reading, hay Thang điểm Lexile cho Kỹ năng Đọc, được phát triển bởi công ty đo lường và công nghệ giáo dục Mỹ MetaMetrics®, là một công cụ được sử dụng để đo khả năng đọc hiểu tiếng Anh của người đọc và độ phức tạp của văn bản trên cùng một thang điểm. Ra đời từ năm 1989, đến nay thang điểm Lexile đã được sử dụng rộng rãi ở nhiều trường học tại Mỹ và trên thế giới như một thước đo hiệu quả giúp giáo viên và phụ huynh tìm được những cuốn sách có độ khó phù hợp với trình độ đọc hiểu của học sinh nhằm hỗ trợ tối đa các em trong việc lĩnh hội kiến thức cũng như từng bước nâng cao kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh.

Điểm Lexile nói gì với bạn?

Điểm Lexile được ký hiệu bằng chữ L đứng sau một con số (ví dụ, 600L = 600 Lexile). Thang điểm Lexile bao gồm các cấp độ từ BR300 tới hơn 2000L (trong đó BR, viết tắt của Beginning Reader, là chỉ số ở dưới mức 0L dành cho người mới bắt đầu đọc). Có hai loại điểm Lexile: điểm Lexile cho người đọc (khả năng đọc hiểu) và điểm Lexile cho văn bản (độ phức tạp của văn bản).

Bảng so sánh ở trang sau giúp bạn có một hình dung khái quát về điểm Lexile trong tương quan với Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam của Bộ GD&ĐT Việt Nam (KNLNNVN), khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung châu Âu (CEFR) và một số bài thi đánh giá năng lực tiếng Anh quốc tế.

Bộ Giáo dục & Đào tạo Việt Nam		Trình độ CEFR	Trình độ Cambridge English ¹	IELTS	Lexile
Chuẩn đầu ra môn Tiếng Anh ²	Bậc KNLNNVN ³				
Tốt nghiệp tiểu học	Bậc 1	A1	A1 Movers A2 Key for Schools 100-119		0L – 620L
Tốt nghiệp THCS	Bậc 2	A2	A2 Flyers A2 Key for Schools 120-139 B1 Preliminary for Schools 120-139		180L – 910L
Tốt nghiệp THPT	Bậc 3	B1	A2 Key for Schools 140-150 B1 Preliminary for Schools 140-159 B2 First for Schools 140-159	4.0 – 5.0	705L – 1210L
Tốt nghiệp CĐ chuyên ngữ	Bậc 4	B2	B1 Preliminary 160-170 B2 First 160-179 C1 Advanced 160-179	5.5 – 6.5	1000L – 1370L
Tốt nghiệp ĐH chuyên ngữ	Bậc 5	C1	B2 First 200-210 C1 Advanced 180-199 C2 Proficiency 180-199	7.0 – 8.0	1290L – 1400L
	Bậc 6	C2	C1 Advanced 200-210 C2 Proficiency 200-230	8.5 – 9.0	1405L – 1595L

¹ Tên các chứng chỉ tiếng Anh Cambridge và kì thi tương ứng hiện đã được Hội khảo thí ĐH Cambridge (Anh) thay đổi so với tên trước đây (như KET, PET, FCE, CAE và CPE) để thể hiện mối quan hệ với Khung CEFR. Lưu ý: các chứng chỉ có cụm từ “for Schools” có bài thi được xây dựng với nội dung dành cho người học ở lứa tuổi học sinh.

² Bộ GD&ĐT Việt Nam (2018). Chương trình Giáo dục Phổ thông – Chương trình môn tiếng Anh (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

³ Bộ GD&ĐT Việt Nam (2014). Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Như ta có thể thấy, điểm Lexile của người học ở cùng một trình độ tiếng Anh có thể cách biệt nhau rất xa, thậm chí lên tới hơn 700 điểm. Trong khi đó, theo các chuyên gia, **cuốn sách được coi là “lý tưởng” nhất với người đọc khi điểm Lexile của nó nằm trong khoảng thấp hơn 100 và cao hơn 50 so với điểm Lexile của người đó.** Ví dụ, nếu điểm Lexile của bạn là 650L thì cuốn sách phù hợp với bạn sẽ nằm trong khoảng từ 550L đến 700L. Khi được tiếp cận với văn bản phù hợp với khả năng, người đọc sẽ lĩnh hội được đầy đủ nhất thông tin và kiến thức, tận hưởng cảm giác tự tin vào bản thân, vượt qua những thử thách vừa tầm và từng bước mài giũa năng lực đọc hiểu tiếng Anh của mình.

Xác định điểm Lexile bằng cách nào?

Tại Việt Nam, học sinh có thể biết được điểm Lexile của mình nếu trường các em học có tiến hành đánh giá năng lực đọc hiểu của học sinh thông qua bài thi xác định điểm Lexile; hoặc một số kỳ thi tiếng Anh quốc tế (ví dụ như TOEFL) có quy đổi kết quả bài thi đọc sang điểm Lexile, thông tin này có được ghi trên phiếu báo điểm.

Tuy nhiên, trong trường hợp các em chưa có điểm Lexile, phụ huynh có thể tự xác định bằng cách căn cứ vào trình độ tiếng Anh hiện tại của trẻ, chọn một số cuốn sách mà các em có thể đọc và hiểu dễ dàng dù vẫn gặp một vài từ mới. Sau đó, hãy xác định điểm Lexile của những cuốn sách này bằng cách nhập văn bản vào tùy chọn Lexile Analyzer trên trang web Lexile.com. Thông tin thu được sẽ giúp phụ huynh và học sinh có thêm căn cứ để lựa chọn sách vở và các nguồn tài liệu phù hợp cũng như đặt ra những mục tiêu vừa tầm để từng bước nâng cao năng lực đọc hiểu tiếng Anh của mình.

Contents

UNIT 01

01 “Thế hệ app”	16
02 Tế bào ung thư - nhân viên cấp cứu của cơ thể	18
03 Những triết gia bị học trò ngược đãi	20
04 Nghĩa vụ gắn liền với đặc quyền	22
Review Test	24

UNIT 02

05 Đừng vội hạ sốt	26
06 Bớt nóng giận để sống thọ hơn	28
07 Sự phản bội của hạt giống biến đổi gen	30
08 Lựa chọn nghề nghiệp dựa theo thể mạnh của bản thân	32
Pattern Drill – Năm bất ý chính	
Review Test	34

UNIT 03

09 Gen béo phì có từ thời nguyên thủy	36
10 You Only Live Once!	38
11 Lịch sử luôn được viết bởi người chiến thắng	40
12 Bạn muốn thuyết phục ai đó ư? Hãy thử trò chuyện với phần não cảm xúc	42
Review Test	44

UNIT 04

13	Tự tin hay tự tin thái quá?	46
14	Mối quan hệ cộng sinh giữa kiến và cây keo	48
15	Những thị dân dũng cảm thành Calais	50
16	Đầu mối giúp gợi lại ký ức	52
Pattern Drill – Suy luận về thông tin còn thiếu		
Review Test		54

UNIT 05

17	Dấu ấn của bối cảnh trong trí nhớ	56
18	Những con tôm hùm nằm đợi vận may	58
19	Cây cối - "điện thoại" của côn trùng	60
20	Nghịch lý của sự nguy hiểm	62
Review Test		64

UNIT 06

21	Hãy để bộ não được nghỉ ngơi	66
22	Cách tự vệ của loài bướm	68
23	Cái tên được khắc trên thanh dầm cũ	70
24	Hội họa trước sự ra đời của máy ảnh	72
Pattern Drill – Tìm câu không liên quan		
Review Test		74

UNIT 07

25	Phương pháp giúp thư giãn não bộ	76
26	Ba nhân tố khiến tình yêu nảy nở	78
27	Tập tính ký sinh nuôi dưỡng ở loài chim	80
28	Điểm giống nhau giữa lò giết mổ và xưởng sản xuất xe hơi	82
Review Test		84

UNIT 08

- 29 | Chạm vào đất để khỏe mạnh hơn 86
- 30 | Hành trình tìm bạn đời của các loài động vật 88
- 31 | Mối quan hệ cộng sinh giữa vi khuẩn đường ruột và cơ thể chúng ta 90
- 32 | Hiệu suất thực ra chỉ là trò chơi số lượng 92

Pattern Drill – Suy luận về thông tin còn thiếu

Review Test 94

UNIT 09

- 33 | Hãy cảnh giác với những cạm bẫy đằng sau các nghiên cứu 96
- 34 | Sức hấp dẫn của khuyết điểm 98
- 35 | Blockchain - nhân chứng đáng tin cậy của mọi giao dịch 100
- 36 | Những phát minh vĩ đại đến từ những điều bình dị nhất 102

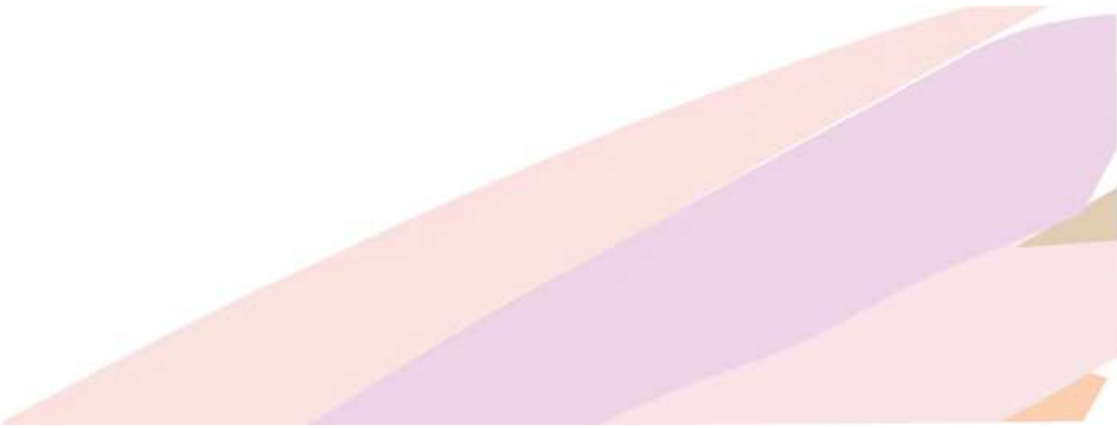
Review Test 104

UNIT 10

- 37 | Loại thịt được tạo ra từ phòng thí nghiệm 106
- 38 | Thực phẩm đa dạng màu sắc và lợi ích đối với sức khỏe 108
- 39 | Bạn biết gì về dầu khí đá phiến? 110
- 40 | Hệ giá trị trong hành vi của các nhà từ thiện 112

Pattern Drill – Suy luận ngữ pháp

Review Test 114



Luck is what happens when preparation meets opportunities.

May mắn là hệ quả của sự chuẩn bị gặp được thời cơ.





UNIT 1

- 01 | “Thế hệ app”
- 02 | Tế bào ung thư – nhân viên cấp cứu của cơ thể
- 03 | Những triết gia bị học trò ngược đãi
- 04 | Nghĩa vụ gắn liền với đặc quyền



Today's young people belong to the so-called "app generation" that depends on apps for almost everything. If they want to find a place, they use Google Maps. If they want to find a friend, they go on Instagram or Facebook.

However, young people's increasing dependency on apps is causing many problems. First of all, the excessive use of apps _____ . Being accustomed to using apps that give them prompt results, they expect every aspect of life to be quick and readily available. And that's not all. When they are faced with problems, they don't bother to come up with new ideas, either. Why? For them, it's easier to just use Google to look them up.

Educators are worried that young people's addiction to app technology may limit their potential, turning them into zombie-like individuals who can't think for themselves.



Did You Know?

Hội chứng nghiện smartphone

Điện thoại thông minh đã và đang trở thành một vật dụng thiết yếu trong cuộc sống thường ngày, nhưng những tác dụng phụ của nó cũng gia tăng nhiều như sự tiện dụng mà nó mang lại. "Smombie" và "nomophobia" là những từ mới xuất hiện để phản ánh hiện tượng xã hội này. Được sử dụng lần đầu tiên ở Đức vào năm 2015, "smartphone zombie" hay "smombie" là các từ chỉ những người vừa đi đường vừa dán mắt vào màn hình điện thoại trong tư thế cúi gằm giống như những thầy ma. "Nomophobia", từ viết tắt của "no mobile-phone phobia", là một thuật ngữ chỉ sự ám ảnh quá mức với điện thoại thông minh.

1 What is the best title for the passage?

- ① Benefits of Using Mobile App Technology
- ② The Impact of App Technology on Daily Life
- ③ The Reason Why Young People Rely on Apps
- ④ Characteristics and Problems of The App Generation
- ⑤ How The Younger Generation Can Develop Their Potential

2 Which one best fits the blank?

- ① prevents them from working efficiently
- ② makes them more and more impatient
- ③ leads to severe physical health problems
- ④ makes them too optimistic about everything
- ⑤ discourages them from focusing on their studies

3 These statements are about 'app generation'. Write **T** if the statement is true, or **F** if it is false.

- (1) _____ To connect with their friends, they log in to social network services.
- (2) _____ They prefer to be given solutions by apps rather than think of new ideas.
- (3) _____ They have developed their potential through app technology.



4 Fill in the blanks with the suitable words from the passage.

- Online chatting is a main cause of Internet _____.
- There is a growing problem of drug _____ in our cities.

Words

app generation thể hệ ứng dụng

cf. **app** ứng dụng, chương trình ứng dụng (= **application**)

excessive (a) quá mức; *v.* **exceed** vượt quá

be accustomed to quen với

cf. **accustom** (v) tập cho quen

prompt (a) tức thì, nhanh chóng

aspect (n) khía cạnh, mặt

readily (adv) dễ dàng, sẵn sàng (= **freely**)

available (a) có sẵn, có thể sử dụng

be faced with đối mặt với

bother (v) bận tâm, cố gắng làm

cf. **don't bother to** không cố gắng

look up tìm kiếm thông tin (trên máy tính/điện thoại)

addiction (n) sự ham mê, sự nghiện; *n.* **addict** người nghiện

potential (a) có khả năng, tiềm năng

benefit (n) lợi ích

impact of A on B ảnh hưởng của A tới B

characteristic đặc điểm, đặc trưng

impatient (a) nóng vội, thiếu kiên nhẫn (↔ **patient**)

severe (a) nghiêm trọng

optimistic (a) lạc quan

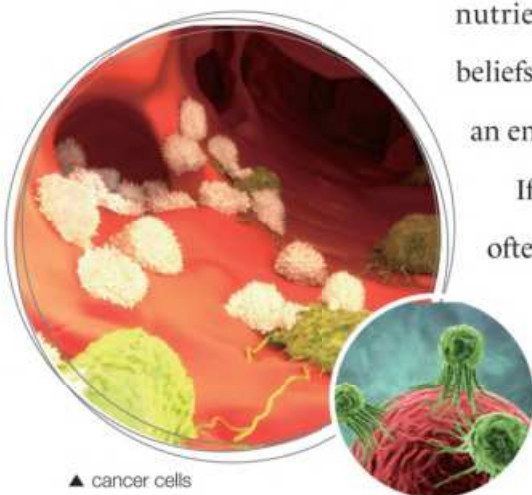
(= **positive**)



Why do we develop cancer? According to Andrea Moritz, a German medical expert, cancer is caused by unhealthy lifestyle such as eating acidic or junk food too much and not exercising regularly. (a) If we continue with this kind of lifestyle, toxic materials will build up in the body tissues, and eventually block the blood flow in the body. (b) In this case, some tissues in the body will not be able to receive oxygen and nutrients. What happens if oxygen is not supplied? (c) The affected parts will start to rot because normal body cells cannot survive without oxygen. (d) As a defense mechanism, our normal body cells will transform themselves in order to adapt to living without oxygen. (e) These new cells are none other than cancer cells.

Then, what do cancer cells do? They use the toxic materials to create the energy needed to keep the body tissues from rotting. This way, the cells protect our damaged body parts where oxygen and nutrients are not available. So, contrary to our common beliefs, cancer is like a first-aider who comes to rescue us in an emergency.

If we start to consume healthier food and exercise more often, our body tissues will be free of toxic materials. This will provide a better blood flow and proper supply of oxygen and nutrients. Then, cancer cells will no longer need to exist.



▲ cancer cells

Did You Know?

Có phải thực phẩm có tính axit có hại còn thực phẩm có tính kiềm có lợi cho cơ thể?

Ngày nay, chế độ ăn uống của mọi người đang thiên về các loại thực phẩm có tính axit và việc tiêu thụ các thực phẩm có tính kiềm đang được khuyến khích. Tuy nhiên, một lượng thức ăn có tính axit vừa phải cũng rất quan trọng đối với sức khỏe, mỗi nhóm thực phẩm đều có một vai trò nhất định đối với cơ thể. Thực phẩm có tính axit cung cấp lượng năng lượng mà bạn cần, trong khi thực phẩm chứa kiềm tạo ra các chất miễn dịch giúp quá trình trao đổi chất diễn ra suôn sẻ hơn. Theo các chuyên gia dinh dưỡng, 1:4 là tỷ lệ tiêu thụ lý tưởng giữa thực phẩm có tính axit và thực phẩm có tính kiềm.

- Thực phẩm có tính axit bao gồm thịt, cá, trứng, các loại ngũ cốc.
- Thực phẩm có tính kiềm chủ yếu là rau củ và trái cây.

UNIT 01

Review Test

Answers p.122

1 Which pair of words is different from the others?

- ① exceed – excessive ② addict – addiction
③ approve – approval ④ celebrate – celebration

[2-3] Choose the words with the following meanings.

2 done quickly or immediately

- ① toxic ② severe ③ prompt ④ occasional

3 save someone when they are in danger

- ① invade ② block ③ rescue ④ appreciate

4 Which of the following words can replace the underlined word?

The view of many experts is optimistic about the country's economic future.

- ① impatient ② positive ③ influential ④ proper

5 Which of the following phrases is incorrectly defined?

- ① put our plan into practice: thực thi ② feel a sense of obligation: ý thức trách nhiệm
③ adapt to a new environment: thích nghi ④ none other than the singer: ngoại trừ

6 Fill in the blanks with the suitable words.

- The _____ is planning to provide free education.
- You should _____ clearly how many tickets you need.

- ① govern ② state ③ return ④ graduate

7 Choose the best option to complete the three sentences.

- The people handed the criminal _____ to the police.
- Our company is faced _____ severe problems now.
- This study shows the impact of technology _____ our learning.

- ① from – for – to ② on – by – with
③ over – with – on ④ by – with – for

Reader's Bank

LEVEL
9

CHALLENGE

ANSWERS



Đáp án | 1 ④ 2 ② 3 (1) T (2) T (3) F 4 addiction

Giải thích

1 Theo bài đọc, việc người trẻ ngày càng phụ thuộc vào các chương trình ứng dụng, ví dụ như tìm kiếm vị trí hay kết nối bạn bè, đã làm nảy sinh nhiều vấn đề. Như vậy, ý ④ "Những đặc điểm và vấn đề của thế hệ app" là tiêu đề phù hợp với bài đọc.

- ① Lợi ích của việc sử dụng công nghệ ứng dụng trên điện thoại
- ② Tác động của công nghệ ứng dụng tới cuộc sống hằng ngày
- ③ Lý do người trẻ phụ thuộc vào các ứng dụng
- ⑤ Cách thế hệ trẻ phát triển tiềm năng của mình

2 Nội dung trước và sau chỗ trống để cập đến việc người trẻ phụ thuộc quá nhiều vào các ứng dụng, họ đã quen với việc được app cung cấp các kết quả tìm kiếm tức thời nên cũng muốn mọi thứ trong cuộc sống luôn dễ dàng và sẵn có. Như vậy, nội dung ② "khiến họ ngày càng thiếu kiên nhẫn" phù hợp để điền vào chỗ trống.

- ① ngăn họ làm việc hiệu quả
- ③ dẫn tới một số vấn đề nghiêm trọng về sức khỏe
- ④ khiến họ trở nên quá lạc quan về mọi thứ
- ⑤ làm họ giảm tập trung vào việc học tập

3 (1) Tham khảo nội dung ở dòng 3-4

Để kết nối với bạn bè, họ sẽ đăng nhập vào các trang mạng xã hội.

(2) Tham khảo nội dung ở dòng 7-10

Họ thích được app cung cấp các giải pháp hơn là nghĩ ra những ý tưởng mới.

(3) Theo nội dung ở dòng 12-14, việc người trẻ nghiện app sẽ làm hạn chế chứ không phải phát triển tiềm năng của họ.

Họ phát triển tiềm năng của bản thân thông qua công nghệ ứng dụng.

4 addiction: sự nghiện

- Trò chuyện trực tuyến là nguyên nhân chính dẫn tới việc nghiện Internet.
- Tình trạng nghiện ma túy đang ngày càng tăng tại thành phố chúng ta.

Dịch nghĩa

Người trẻ ngày nay được gọi là "thế hệ app", một thế hệ phụ thuộc vào các ứng dụng trong hầu hết mọi việc. Nếu muốn tìm một địa điểm, họ sẽ dùng Google Maps. Nếu muốn tìm bạn, họ vào Instagram hay Facebook.

Tuy nhiên, việc người trẻ ngày càng lệ thuộc vào các ứng dụng đang gây ra nhiều vấn đề. Trước hết, sử dụng app quá nhiều khiến họ ngày càng trở nên thiếu kiên nhẫn. Khi đã quen được app cung cấp kết quả tức thời, họ kỳ vọng mọi khía cạnh trong cuộc sống cũng đều nhanh chóng và sẵn có như vậy. Và đó không phải là tất cả. Khi phải đối mặt với các vấn đề, họ cũng không nỗ lực để nghĩ ra những ý tưởng mới. Vì sao vậy? Đối với họ, cách dễ hơn là lên mạng và tìm kiếm trên Google.

Các nhà giáo dục lo ngại rằng việc người trẻ nghiện công nghệ ứng dụng có thể làm hạn chế tiềm năng của họ, biến họ thành những "xác sống", những kẻ không thể tự mình suy nghĩ.

Phân tích câu

Today's young people belong / to the so-called "app generation" / ❶ that depends on apps / for almost everything. / If they want to find a place, / they use Google Maps. / If they want to find a friend, / they go on Instagram or Facebook. /

Người trẻ ngày nay thuộc về / cái gọi là "thế hệ ứng dụng" / thế hệ phụ thuộc vào ứng dụng / cho hầu hết mọi thứ / Nếu họ muốn tìm một địa điểm / họ dùng Google Maps / Nếu họ muốn tìm một người bạn / họ vào Instagram hoặc Facebook. /

However, / young people's increasing dependency on apps / is causing many problems. / First of all, / the excessive use of apps / makes them more and more impatient. / ❷ Being accustomed to using apps / that give them prompt results, / they expect / every aspect of life / to be quick and readily available. / And that's not all. / When they are faced with problems, / they don't bother to come up with new ideas, either. / Why? / For them, / it's easier / to just use Google / to look them up. /

Tuy nhiên / việc người trẻ ngày càng phụ thuộc vào ứng dụng / đang gây ra nhiều vấn đề / Trước hết / việc sử dụng ứng dụng quá mức / làm họ ngày càng thiếu kiên nhẫn / Đã quen với việc sử dụng các ứng dụng / mà cho họ kết quả nhanh chóng / họ mong đợi / mọi khía cạnh của cuộc sống / sẽ nhanh chóng và có sẵn / Và đó không phải là tất cả / Khi họ phải đối mặt với các vấn đề / họ cũng không cố gắng đưa ra ý tưởng mới / Tại sao? / Đối với họ / nó dễ dàng hơn / chỉ cần dùng Google / để tìm kiếm chúng /

Educators are worried / ❸ that young people's addiction to app technology / may limit their potential, / turning them into zombie-like individuals / who can't think for themselves. /

Các nhà giáo dục lo lắng / rằng việc nghiện công nghệ ứng dụng của người trẻ / có thể hạn chế tiềm năng của họ / biến họ thành các cá thể giống như xác sống / những người không thể tự mình suy nghĩ /

- ❶ Đại từ quan hệ **that** đóng vai trò chủ ngữ của mệnh đề nên sau nó phải là một động từ. Lúc này, động từ **depends** được chia theo cụm danh từ trước **that** là **app generation**.
- ❷ Đây là cấu trúc phân từ thể hiện lý do, vì vậy nó có thể thay bằng cấu trúc mệnh đề trạng từ "liên từ + chủ ngữ + động từ".
- ❸ **That** được dùng như một liên từ, mệnh đề sau **that** đóng vai trò vị ngữ của câu. Với cách dùng này, **that** cũng có thể được xem là chủ ngữ hoặc bổ ngữ.
eg. That the Earth is round is true. (chủ ngữ)
Việc Trái đất có hình tròn là sự thật.
The main reason is that the food here is so delicious. (bổ ngữ)
Lý do chính là thức ăn ở đây quá ngon.

02

Tế bào ung thư - nhân viên cấp cứu của cơ thể

pp. 18-19

Đáp án | 1 ❸ 2 ❹ 3 ❹ 4 (A) toxic (B) rot (C) protect

Giải thích

- 1 Trái với suy nghĩ thông thường, tế bào ung thư giúp ngăn các phần cơ thể bị hư tổn khỏi bị thối rữa. Như vậy, tiêu đề phù hợp với bài đọc là ❸ "Ung thư là nhân viên cứu hộ chứ không phải kẻ giết người".
❶ Cách điều trị ung thư
❷ Tại sao các tế bào bình thường lại chết?
❹ Các bước phát triển của ung thư
❺ Cách tế bào sống khi không có oxy
- 2 Nội dung trước vị trí ❹ cho biết nếu không được cung cấp oxy, các phần cơ thể sẽ bị thối rữa; nội dung sau vị trí ❹ nói về việc các tế bào bình thường của cơ thể sẽ tự biến đổi để thích nghi với điều kiện thiếu oxy. Vậy, câu "Đó là lúc ung thư đến để giải cứu chúng ta" phù hợp để điền vào vị trí ❹.

harvest festivals. / These expectations were understood / rather than stated outright in the documents. / These
lễ tạ mùa / Những kỳ vọng này được hiểu / thay vì được nêu rõ trong các tài liệu / Những

moral obligations of the rich toward the poor / became known as "noblesse oblige." / Today, / we express this
nghĩa vụ đạo đức của người giàu đối với người nghèo / được gọi là "nghĩa vụ gắn liền với đặc quyền" / Ngày nay / chúng ta diễn đạt ý này /

idea / by stating that "to whom much is given, much is expected." /
bằng việc khẳng định rằng "với ai được tặng nhiều, sẽ được mong đợi nhiều /

- ❶ Sau **that** là một mệnh đề hoàn chỉnh. Ở đây, cụm **Did you know** đã được lược bỏ để tránh lặp lại. Mệnh đề sau **that** ở câu trước có cấu trúc song song với mệnh đề sau **that** ở câu này và được liên kết bởi liên từ **or**.
- ❷ **where** là trạng từ quan hệ đứng sau dấu phẩy cho thấy mệnh đề này có vai trò bổ sung thông tin cho câu. Trong trường hợp này, ta có thể thay **where** bằng **there**.
- ❸ Đây là cấu trúc câu gồm 4 thành tố: "chủ ngữ + động từ + tân ngữ gián tiếp + tân ngữ trực tiếp". Một số động từ thường xuất hiện trong dạng câu có hai tân ngữ là: **give, show, buy, send...**

REVIEW TEST

p. 24

Đáp án | 1 ① 2 ③ 3 ③ 4 ② 5 ④ 6 ② 7 ③

Giải thích

- 1 Các cặp ②, ③, ④ có quan hệ động từ - danh từ, còn cặp ① có quan hệ động từ - tính từ.
② ham mê - sự ham mê ③ chấp nhận - sự phê chuẩn ④ ăn mừng - lễ kỷ niệm
- 2 **prompt**: lập tức, không chậm trễ
được làm nhanh và lập tức
① độc tố ② khắt khe ④ theo dõi
- 3 **rescue**: giải cứu
cứu ai đó khi họ đang gặp nguy hiểm
① xâm lược ② ngăn chặn ④ cảm kích
- 4 **positive**: lạc quan (= optimistic)
Nhiều chuyên gia có quan điểm rất lạc quan về tương lai kinh tế của nước nhà.
① mất kiên nhẫn ③ có sức ảnh hưởng ④ thích đáng
- 5 **none other than**: không phải cái gì/ai khác mà là
- 6 **state**: bang, quốc gia; nêu ra, phát biểu
• Nước này đang lên kế hoạch cung cấp giáo dục miễn phí.
• Bạn nên nêu rõ là bạn đang cần bao nhiêu vé.
- 7 **hand A over to B**: bàn giao A cho B / **be faced with**: đối mặt với / **impact of A on B**: ảnh hưởng của A đối với B
• Người dân bàn giao tên tội phạm cho cảnh sát
• Công ty chúng tôi hiện đang đối mặt với các vấn đề nghiêm trọng.
• Nghiên cứu này đã chỉ ra tác động của công nghệ đối với việc học của chúng ta.